

Bản án số: 66/2024/DS-ST
Ngày: 09/9/2024
v/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Khánh

Ông Nguyễn Văn Trình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2024/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST-DS ngày 07/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2024/QĐST-DS ngày 19/8/2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Trụ sở: Lầu 8, 266 - B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số B đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đình V - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ (theo Quyết định số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S và Giấy ủy quyền số 165/2024/GUQ-CNSH ngày 15/4/2024 của Giám đốc - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh S1) (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tấn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: C đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Đình V trình bày:*

Ngày 31/10/2013, ông Lê Tấn T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản

Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông Lê Tấn T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) với mục đích: Tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện 03 giao dịch với tổng số tiền 138.655.000 đồng. Lãi suất áp dụng 2,48%/tháng (lãi suất trong hạn) và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày khởi kiện thì ông T thanh toán cho Ngân hàng số tiền 71.350.000 đồng (Theo thứ tự thanh toán quy định tại Điều 21 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/5/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 10/6/2024, ông Lê Tấn T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc: 78.756.209 đồng; Lãi quá hạn: 3.518.496 đồng; Tổng cộng: 82.274.705 đồng. Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn không thực hiện, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn trình HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc Ông Lê Tấn T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 91.168.681 đồng; trong đó: nợ gốc: 78.756.209 đồng, nợ lãi quá hạn: 12.412.472 đồng (tính đến ngày 09/9/2024) và ông T phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 10/9/2024 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Ông Lê Tấn T không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2023 thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn Ông Lê Tấn T trả số tiền nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/10/2023 với mục đích vay là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn hiện cư trú tại C N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP S và Ông Lê Tấn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lê Tấn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông Lê Tấn T.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/10/2023; Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm, HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 31/10/2023, giữa ông T và Ngân hàng TMCP S có ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là số tiền 70.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thẻ tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 13, 14 và 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[4.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc ông T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 91.168.681 đồng; trong đó: nợ gốc: 78.756.209 đồng, nợ lãi quá hạn: 12.412.472 đồng (tính đến ngày 09/9/2024) và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 10/9/2024 cho đến khi thanh toán xong. HĐXX xét thấy: Từ ngày được cấp hạn mức tín dụng, ông Lê Tấn T đã thực hiện 3 giao dịch với tổng số tiền là 138.655.000 đồng, trong quá trình sử dụng thì ông T thanh toán cho Ngân hàng số tiền 71.350.000 đồng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và để nợ quá hạn nên vào ngày 06/5/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản nhắc nợ và làm việc để tạo điều kiện trả nợ nhưng Ông Lê Tấn T vẫn không có thiện chí trả nợ. Như vậy, ông T đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông T là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 31/10/2023; Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Ông Lê Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 91.168.681 \text{ đồng} = 4.558.434 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.056.868 đồng đã nộp theo biên lai số 0001722 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 13, 14, 15 và 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;
- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với Ông Lê Tấn T.

2. Buộc Ông Lê Tấn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 91.168.681 đồng; trong đó: nợ gốc: 78.756.209 đồng, nợ lãi quá hạn: 12.412.472 đồng (tính đến ngày 09/9/2024).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.558.434 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 2.056.868 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng) theo biên lai thu số 0001722 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Nhó

